

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 60/2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH
Về xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực hàng không dân dụng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính số 04/2008/PL-UBTVQH12 ngày 02 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi chung là Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính);

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền và thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng là những hành vi do các tổ chức, cá nhân thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý vi phạm quy định của pháp luật về hàng không dân dụng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm:

- a) Vi phạm quy định về tàu bay;
- b) Vi phạm quy định về cảng hàng không, sân bay;
- c) Vi phạm quy định về nhân viên hàng không;

d) Vi phạm quy định về hoạt động bay;

đ) Vi phạm quy định về hoạt động vận chuyển hàng không và hàng không chung;

e) Vi phạm quy định về an ninh hàng không.

3. Các hành vi vi phạm hành chính khác tại cảng hàng không, sân bay bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tương ứng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam và cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

2. Cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

3. Đối với người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng thực hiện theo quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 7 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng phải do người có thẩm quyền quy định tại các Điều 13, 14, 15, 16 và những người được ủy quyền theo Điều 18 Nghị định này thực hiện.

3. Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trong lĩnh vực hàng không dân dụng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Các hình thức xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

Khi áp dụng hình thức phạt tiền, mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt quy định đối với hành vi đó; nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức phạt tiền có thể giảm xuống thấp hơn mức trung bình nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức phạt tiền có thể lên cao hơn mức trung bình nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng cách chia đôi tổng số của mức tối thiểu cộng với mức tối đa

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng còn có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện;

d) Buộc tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại;

đ) Bị cấm vận chuyển thương mại bằng đường hàng không đến 12 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng là một năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

2. Thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm về giá, phí, lệ phí hàng không, xây dựng công trình phục vụ hoạt động hàng không dân dụng hoặc xây dựng công trình khác ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng là hai năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

3. Đối với cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng thì bị xử phạt vi phạm hành chính; trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định đình chỉ phải gửi quyết định cho người có thẩm quyền xử phạt; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

4. Trong thời hạn được quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này mà cá nhân, tổ chức lại thực hiện hành vi vi phạm mới trong lĩnh vực hàng không dân dụng hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

5. Quá các thời hạn nói trên thì không xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Nghị định này.

Điều 6. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, nếu quá một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Chương II HÀNH VI, HÌNH THỨC, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 7. Vi phạm các quy định về tàu bay

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Hút thuốc trong buồng vệ sinh hoặc những nơi không được phép trên tàu bay;

b) Hành khách sử dụng các loại thiết bị điện tử, thiết bị thu phát sóng trên tàu bay khi không được phép;

c) Hành khách không tuân theo hướng dẫn về bảo đảm trật tự, an ninh, an toàn hàng không, phòng dịch của thành viên tổ bay;

d) Trộm cắp, chiếm đoạt đồ vật, trang bị, thiết bị hoặc tài sản trên tàu bay.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Hành khách sử dụng trái phép trang bị, thiết bị an toàn trên tàu bay;

b) Làm hư hỏng tàu bay, động cơ, cánh quạt, trang bị, thiết bị của tàu bay.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Thành viên tổ lái không mang đầy đủ giấy tờ, tài liệu theo tàu bay theo quy định;

b) Thành viên tổ bay sử dụng thiết bị điện tử, thiết bị thu phát sóng trên tàu bay khi không được phép;

c) Người khai thác tàu bay sử dụng hóa chất diệt côn trùng, diệt khuẩn trên tàu bay nằm trong danh mục cấm sử dụng, hạn chế sử dụng tại Việt Nam.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Mở cửa thoát hiểm tàu bay đang khai thác trái quy định;

b) Thành viên tổ bay sử dụng ma túy trên tàu bay;

c) Người khai thác tàu bay bảo dưỡng tàu bay, động cơ, cánh quạt, trang bị, thiết bị của tàu bay tại cơ sở bảo dưỡng không được phê chuẩn;

d) Người khai thác tàu bay không thực hiện đúng theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay của tàu bay đã được cấp;

đ) Người khai thác tàu bay không thực hiện đúng theo Giấy phép sử dụng thiết bị vô tuyến điện trên tàu bay đã được cấp;

e) Người khai thác tàu bay đưa tàu bay vào khai thác với trang bị, thiết bị của tàu bay không có chứng chỉ phù hợp theo quy định;

g) Sử dụng tàu bay theo hợp đồng thuê, cho thuê tàu bay mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật;

h) Tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay được sản xuất tại Việt Nam hoặc nhập khẩu vào Việt Nam không có hoặc không phù hợp với Giấy chứng nhận loại tàu bay tương ứng do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc công nhận;

i) Cơ sở cung cấp dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay và trang bị, thiết bị trên tàu bay không thực hiện đúng theo Giấy phép hoạt động đã được cấp.

k) Người khai thác tàu bay không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba hoặc mua không đến giới hạn trách nhiệm quy định.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Người khai thác tàu bay không thực hiện đúng theo Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay đã được cấp;

b) Người khai thác tàu bay sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch, dấu hiệu đăng ký tàu bay không đúng quy định;

c) Người khai thác tàu bay bảo dưỡng tàu bay, động cơ, cánh quạt, trang bị, thiết bị của tàu bay không theo chương trình bảo dưỡng đã được phê chuẩn;

d) Người khai thác tàu bay sử dụng vào hoạt động hàng không dân dụng tàu bay, động cơ, cánh quạt và phụ tùng tàu bay được nhập khẩu với mục đích làm đồ dùng học tập hoặc phục vụ hoạt động phi hàng không;

đ) Người khai thác tàu bay lắp đặt thiết bị vô tuyến điện trên tàu bay mà không có Giấy phép lắp đặt;

e) Người khai thác tàu bay bố trí không đủ số lượng thành viên tổ bay thực hiện chuyến bay theo quy định;

g) Người khai thác tàu bay không thực hiện đúng quy định về giám sát an toàn, an ninh đối với việc khai thác tàu bay;

h) Nhập khẩu tàu bay không theo quy định về tuổi tàu bay.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Người khai thác tàu bay đưa tàu bay vào khai thác không có Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch;

b) Cơ sở cung cấp dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay và trang bị, thiết bị trên tàu bay mà không có Giấy phép hoạt động;

c) Người khai thác tàu bay đưa vào khai thác tàu bay mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay;

d) Người khai thác tàu bay khai thác tàu bay nhằm mục đích thương mại mà không có Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay;

đ) Người khai thác tàu bay không tổ chức giám sát an toàn, an ninh đối với việc khai thác tàu bay theo quy định.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận, Giấy phép, chứng chỉ hành nghề đến 3 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, d, đ, i khoản 4, điểm a, c khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 4 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

b) Buộc tái xuất tàu bay đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 5 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về cảng hàng không, sân bay

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với mỗi hành vi hút thuốc ở những nơi không được phép trong khu bay hoặc khi điều khiển, vận hành phương tiện trong khu bay.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Nuôi, thả chim, gia súc, gia cầm trong cảng hàng không, sân bay;

b) Đặt, sử dụng trái phép vật, động vật để thu hút chim và động vật trong cảng hàng không, sân bay;

c) Đồ vật liệu, phế thải, khoan, đào trái phép trong cảng hàng không, sân bay.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Điều khiển, vận hành phương tiện, trang bị, thiết bị trong khu bay không đúng quy định, quy trình, quy tắc điều khiển, vận hành, khai thác;

b) Người khai thác phương tiện, trang bị, thiết bị bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, trang bị, thiết bị trong cảng hàng không, sân bay không đúng quy định hoặc không chấp hành các quy định về an toàn, vệ sinh, phòng, chống, cháy nổ;

c) Doanh nghiệp cảng hàng không không báo cáo số liệu thống kê về khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định;

d) Làm hư hỏng phương tiện, trang bị, thiết bị trong cảng hàng không, sân bay;

đ) Tổ chức, cá nhân kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay để phương tiện, trang bị, thiết bị, vật phẩm nguy hiểm, chất dễ cháy, chất nổ trong cảng hàng không, sân bay không đúng quy định;

e) Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phi hàng không không niêm yết công khai giá dịch vụ phi hàng không.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, gây hư hại, làm biến dạng, di chuyển vật đánh dấu, vật ngăn cách, vật ghi tín hiệu, vật bảo vệ tại cảng hàng không, sân bay;

b) Làm hư hại các ký hiệu, thiết bị nhận biết cảng hàng không, sân bay;

c) Làm hư hỏng phương tiện, trang bị, thiết bị hàng không trong khu bay;

d) Đưa vào khai thác trong khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay các phương tiện, trang bị, thiết bị không đáp ứng điều kiện kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

đ) Người khai thác phương tiện không trang bị thiết bị phòng, chống cháy nổ cho phương tiện hoạt động trong khu bay theo quy định;

e) Người khai thác tàu bay, người khai thác phương tiện, trang bị, thiết bị kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, vệ sinh tàu bay, phương tiện, trang bị, thiết bị ở những nơi không được phép trong cảng hàng không, sân bay.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Doanh nghiệp cảng hàng không không thực hiện đúng theo Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay đã được cấp;

b) Đưa vào khai thác trong khu bay các phương tiện, trang bị, thiết bị không đáp ứng điều kiện kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Doanh nghiệp cảng hàng không cho phép hoặc thực hiện các hình thức quảng cáo trong khu vực cảng hàng không, sân bay ảnh hưởng đến hoạt động bay dân dụng;

d) Tổ chức, cá nhân sử dụng đất thuê của cảng hàng không, sân bay mà chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng, cho, cho thuê, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất tại cảng hàng không, sân bay;

đ) Lắp đặt, sử dụng trong cảng hàng không, sân bay hoặc khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay các loại đèn, ký hiệu, tín hiệu hoặc các vật thể ảnh hưởng đến việc tàu bay cất cánh, hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay hoặc việc nhận biết cảng hàng không, sân bay;

e) Xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị kỹ thuật trong cảng hàng không, sân bay hoặc khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay vi phạm quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không;

g) Xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các công trình hoặc lắp đặt các trang bị, thiết bị tại cảng hàng không, sân bay mà không thông báo hoặc được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

h) Thả thiết bị, vật dụng hoặc các vật thể khác trong cảng hàng không, sân bay gây ảnh hưởng đến an toàn bay;

i) Người khai thác phương tiện, thiết bị đưa vào khai thác các phương tiện, thiết bị trong khu bay không có Giấy phép theo quy định;

k) Doanh nghiệp cảng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, hãng hàng không, cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về phòng, chống bão, lụt tại cảng hàng không, sân bay;

l) Vi phạm quy định về bảo đảm an ninh, an toàn khi xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các công trình tại cảng hàng không, sân bay;

m) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không không thực hiện đúng theo Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không đã được cấp;

n) Doanh nghiệp cảng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Xây dựng cảng hàng không, sân bay hoặc các hạng mục công trình trong cảng hàng không, sân bay không phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền cho phép;

b) Sử dụng đất tại cảng hàng không, sân bay không đúng mục đích theo quy định;

c) Ngừng cung cấp dịch vụ hàng không gây ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng mà không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

d) Doanh nghiệp cảng hàng không, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hàng không không thực hiện đúng quy định về giám sát an toàn, an ninh đối với việc khai thác tàu bay;

đ) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay mà không có Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không, trừ dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

- a) Doanh nghiệp cảng hàng không kinh doanh cảng hàng không, sân bay mà không có Giấy phép kinh doanh cảng hàng không;
- b) Người khai thác cảng hàng không, sân bay khai thác cảng hàng không, sân bay mà không có Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay;
- c) Doanh nghiệp cảng hàng không, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hàng không không tổ chức giám sát an toàn, an ninh đối với việc khai thác tàu bay hoặc cung cấp dịch vụ hàng không theo quy định.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

- a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận, Giấy phép, chứng chỉ hành nghề đến 3 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3, điểm d, đ khoản 4, điểm a, b, m khoản 5 và điểm c khoản 7 Điều này;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c khoản 2, điểm d khoản 3, điểm a, b, c khoản 4 và điểm h khoản 5 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả

- a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 4, điểm c, đ, e khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều này;
- b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2, điểm b, đ khoản 3 và điểm e khoản 4 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về nhân viên hàng không, cơ sở đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

- a) Nhân viên hàng không không mang theo Giấy phép phù hợp còn hiệu lực khi làm nhiệm vụ;
- b) Thành viên tổ bay, kiểm soát viên không lưu không mang theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe còn hiệu lực khi làm nhiệm vụ;
- c) Nhân viên hàng không thực hiện nhiệm vụ không đúng quy trình theo quy định ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng mà chưa uy hiếp đến an ninh, an toàn hàng không.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

- a) Thành viên tổ lái không mang theo Giấy phép phù hợp còn hiệu lực khi làm nhiệm vụ;
- b) Nhân viên hàng không không mặc trang phục an toàn đúng quy định khi thực hiện nhiệm vụ trong khu bay;
- c) Kiểm soát viên không lưu, nhân viên điều khiển vận hành phương tiện trong khu bay sử dụng điện thoại di động khi thực hiện nhiệm vụ, trừ trường hợp sử dụng bộ đàm liên lạc để thực hiện nhiệm vụ;
- d) Nhân viên hàng không không thực hiện nhiệm vụ hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ theo Giấy phép, chứng chỉ chuyên môn đã được cấp hoặc công nhận;
- đ) Nhân viên hàng không thực hiện nhiệm vụ không đúng quy trình theo quy định gây uy hiếp an ninh hàng không, an toàn hàng không;
- e) Thành viên tổ bay, kiểm soát viên không lưu, nhân viên bảo dưỡng tàu bay thực hiện nhiệm vụ không đúng quy trình theo quy định ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng mà chưa uy hiếp đến an ninh, an toàn hàng không.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

- a) Nhân viên hàng không khi thực hiện nhiệm vụ không có một trong các Giấy phép, chứng chỉ chuyên môn, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe theo quy định;
- b) Thành viên tổ bay, kiểm soát viên không lưu, nhân viên bảo dưỡng tàu bay thực hiện nhiệm vụ không đúng quy trình theo quy định gây uy hiếp an ninh hàng không, an toàn hàng không;
- c) Người chỉ huy tàu bay quyết định thực hiện chuyến bay mà không có đủ thành viên tổ bay phù hợp;
- d) Người sử dụng lao động bố trí thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi cho nhân viên hàng không không đúng quy định;
- đ) Nhân viên hàng không khi làm nhiệm vụ mà hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức cho phép theo quy định;
- e) Nhân viên hàng không trộm cắp, chiếm đoạt tài sản của hành khách đi tàu bay, hành lý, hàng hoá, bưu phẩm, bưu kiện, thư được vận chuyển bằng tàu bay.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Nhân viên hàng không sử dụng Giấy phép, chứng chỉ chuyên môn, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe giả mạo;

b) Người được giao huấn luyện, hướng dẫn thực hành không thực hiện đúng nhiệm vụ hướng dẫn, huấn luyện thực hành để người học có hành vi vi phạm gây uy hiếp an toàn hàng không dân dụng;

c) Thành viên tổ lái điều khiển tàu bay vi phạm quy tắc bay, phương thức bay;

d) Thành viên tổ lái khi làm nhiệm vụ mà hơi thở có nồng độ cồn.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Thành viên tổ lái điều khiển tàu bay bay trên khu vực đông dân không đúng quy định;

b) Thành viên tổ bay xả, thả trái phép nhiên liệu, hành lý, hàng hoá hoặc các đồ vật khác từ tàu bay xuống;

c) Người sử dụng lao động sử dụng nhân viên hàng không để thực hiện nhiệm vụ của nhân viên hàng không mà không ký hợp đồng lao động bằng văn bản;

d) Người sử dụng lao động bố trí thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi cho thành viên tổ bay, kiểm soát viên không lưu, nhân viên an ninh hàng không không đúng quy định.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Người sử dụng lao động bố trí không đủ hoặc bố trí nhân viên làm việc tại các vị trí yêu cầu phải có Giấy phép, chứng chỉ chuyên môn, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe mà không có Giấy phép, chứng chỉ chuyên môn, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe phù hợp;

b) Cơ sở đào tạo, huấn luyện thực hiện không đúng chương trình, nội dung đào tạo, huấn luyện đã được phê duyệt; sử dụng giáo viên không đúng quy định;

c) Cơ sở đào tạo, huấn luyện cố ý làm sai lệch kết quả kiểm tra của học viên.

7. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận, Giấy phép, chứng chỉ hành nghề đến 3 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm d, đ, e khoản 2, điểm b, c, đ, e khoản 3, điểm b, c, d khoản 4, điểm a, b khoản 5 và điểm b, c khoản 6 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.

Điều 10. Vi phạm các quy định về hoạt động bay

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Thả thiết bị, vật dụng và các vật thể khác vào không trung ngoài cảng hàng không, sân bay ảnh hưởng đến an toàn hoạt động bay, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 Nghị định này;

b) Không giao nộp chứng cứ về sự cố, tai nạn của tàu bay cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu;

c) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm không bảo vệ tàu bay bị sự cố hoặc tai nạn, các thiết bị, các vật trên tàu bay bị sự cố hoặc tai nạn để phục vụ công tác điều tra;

d) Làm hư hỏng hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay;

đ) Hủy hoại, cố ý làm sai lệch thông tin, làm hư hỏng thiết bị kiểm tra và các bằng chứng khác liên quan đến sự cố hoặc tai nạn tàu bay.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm không báo cáo về sự cố, tai nạn tàu bay trong thời hạn quy định;

b) Không thực hiện đúng quy định về sơn, kẻ, lắp đèn cảnh báo chướng ngại vật hàng không;

c) Cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu không thông báo kịp thời cho các cơ sở cung cấp dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn khi nhận được tín hiệu, thông báo hoặc tin tức về tàu bay đang trong tình trạng lâm nguy, lâm nạn.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị kỹ thuật vi phạm giới hạn chương ngại vật hàng không ngoài cảng hàng không, sân bay;

b) Che giấu về sự cố, tai nạn tàu bay;

c) Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị không theo đúng Giấy phép khai thác đã được cấp.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Người khai thác tàu bay, người vận chuyển cung cấp các thông tin không trung thực hoặc có những hành vi lừa dối khi xin phép bay;

b) Người khai thác tàu bay, người vận chuyển sử dụng tàu bay không đúng với phép bay, mục đích của chuyến bay theo phép bay đã được cấp;

c) Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay mà không có Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp;

d) Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay không thực hiện đúng theo Giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay đã được cấp;

đ) Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay không thực hiện đúng quy định về giám sát an toàn, an ninh đối với việc cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo quy định.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Cố ý sử dụng đài, trạm thông tin liên lạc hoặc thiết bị khác gây cản trở, làm ảnh hưởng đến hoạt động của các đài, trạm vô tuyến điện hàng không;

b) Khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay mà không có Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp;

c) Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay không tổ chức giám sát an toàn, an ninh đối với việc cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo quy định.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Người khai thác tàu bay thực hiện chuyến bay mà không có phép bay do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Người khai thác tàu bay thực hiện chuyến bay thao diễn, luyện tập trên khu vực đông dân mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề đến 3 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2, điểm b, c khoản 3, điểm d khoản 4, điểm c khoản 5 và điểm a, b khoản 6 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a, d, đ khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về hoạt động vận chuyển hàng không và hàng không chung

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Hãng hàng không Việt Nam và hãng hàng không nước ngoài không cung cấp số liệu thống kê vận chuyển hàng không cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

b) Các hãng hàng không Việt Nam thực hiện hợp tác liên quan đến quyền vận chuyển hàng không mà không được phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Các hãng hàng không Việt Nam không đăng ký điều lệ vận chuyển hàng không với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

d) Người khai thác tàu bay không nộp hoặc nộp không đủ tài liệu chuyển bay cho Cảng vụ hàng không theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Thực hiện hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại mà không có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không không thực hiện đúng quy tắc về vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không;

c) Hãng hàng không không thực hiện đúng quy định về vận chuyển hàng hoá đặc biệt bằng đường hàng không;

d) Hãng hàng không không làm thủ tục đề nghị chấp thuận hoặc đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định khi có thay đổi những nội dung theo Giấy phép đã được cấp trong quá trình hoạt động;

đ) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không không ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng không chung với tổ chức, cá nhân được phép sử dụng dịch vụ;

e) Văn phòng đại diện hoặc văn phòng bán vé hoạt động tại Việt Nam của hãng hàng không nước ngoài không thực hiện đúng nghĩa vụ và quy định theo Giấy phép đã được cấp;

g) Hãng hàng không vận chuyển hành khách bị cấm vận chuyển thương mại bằng đường hàng không, trừ trường hợp được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Hãng hàng không không thực hiện đúng quy định về áp dụng giá cước vận chuyển hàng không;

b) Doanh nghiệp kinh doanh hệ thống đặt giữ chỗ không thực hiện nguyên tắc về kinh doanh hệ thống đặt giữ chỗ bằng máy tính;

c) Hãng hàng không không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho hành khách, hành lý, hàng hoá hoặc mua không đến giới hạn trách nhiệm theo quy định;

d) Người vận chuyển không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ theo quy định trong trường hợp hoãn, hủy chuyến bay, từ chối vận chuyển;

đ) Đại lý bán vé thực hiện hoạt động đại lý bán vé cho các hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam mà không có Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định đại lý bán vé do cơ quan có thẩm quyền cấp.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Hãng hàng không vận chuyển hành lý không đi cùng hành khách, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

b) Văn phòng đại diện hoặc văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam hoạt động mà không có Giấy phép mở văn phòng đại diện, văn phòng bán vé;

c) Doanh nghiệp giao nhận hàng hóa kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hoá bằng đường hàng không mà không có hoặc không thực hiện đúng theo Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp;

d) Hãng hàng không thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại, quảng cáo, tiếp thị bằng hình ảnh, thương hiệu, biểu tượng, nhãn hiệu không đúng quy định.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hãng hàng không không thực hiện đúng theo Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không hoặc Giấy phép kinh doanh hàng không chung đã được cấp.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Hãng hàng không vận chuyển hàng nguy hiểm mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc công nhận;

b) Hãng hàng không vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu phẩm, bưu kiện, thư vì mục đích thương mại mà không có Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không hoặc thực hiện hoạt động hàng không chung vì mục đích thương mại mà không có Giấy phép kinh doanh hàng không chung;

c) Hãng hàng không kinh doanh vận chuyển hàng không khi chưa được cấp quyền vận chuyển hoặc vi phạm quy định về điều kiện của quyền vận chuyển hàng không đã được cấp; mua, bán, chuyển nhượng quyền vận chuyển hàng không;

d) Hãng hàng không vận chuyển vũ khí, dụng cụ chiến tranh, chất thải hạt nhân mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề đến 3 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, e khoản 2, điểm b khoản 3, điểm c khoản 4, khoản 5 và điểm c khoản 6 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại điểm d khoản 3 và điểm b, c khoản 4 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 2 và điểm a, d khoản 6 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về an ninh hàng không

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

- a) Sử dụng thẻ kiểm soát an ninh không đúng phạm vi ghi trên thẻ;
- b) Không tuân theo sự chỉ dẫn của nhân viên an ninh hàng không khi ở trong khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay;
- c) Làm mất thẻ kiểm soát an ninh mà không thông báo ngay cho cơ quan cấp thẻ;
- d) Xâm nhập trái phép vào khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay;
- đ) Nhân viên hàng không không đeo thẻ kiểm soát an ninh khi làm nhiệm vụ trong khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

- a) Sử dụng thẻ kiểm soát an ninh của người khác vào khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, lên tàu bay;
- b) Gây rối, kích động, lôi kéo người khác gây rối làm mất an ninh trật tự trong cảng hàng không, sân bay;
- c) Hành khách không thực hiện đúng quy định về việc mang chất lỏng vào khu vực hạn chế, lên tàu bay.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

- a) Vào khu vực hạn chế, lên tàu bay mà không qua kiểm tra, soi chiếu an ninh hàng không;
- b) Hành khách vi phạm trật tự, kỷ luật trong tàu bay;
- c) Đe dọa cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên hàng không đang thực hiện nhiệm vụ tại cảng hàng không, sân bay và các khu vực hạn chế khác;
- d) Đe dọa hành khách, thành viên tổ bay tại cảng hàng không, sân bay;
- đ) Vào khu vực cách ly, lên tàu bay bằng giấy tờ tùy thân, thẻ lên tàu bay của người khác;
- e) Doanh nghiệp cảng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ an ninh hàng không không đủ tài liệu tại điểm kiểm tra an ninh theo quy định;

g) Xâm nhập trái phép vào khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay và công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng gây mất an ninh hàng không, an toàn hàng không;

h) Không thực hiện đúng quy định về đăng ký, tiếp nhận vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật phẩm nguy hiểm được phép đưa vào khu vực hạn chế.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Đưa người, hành lý, hàng hoá, bưu phẩm, bưu kiện, thư và các đồ vật khác chưa qua kiểm tra an ninh hàng không vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay, lên tàu bay;

b) Hành hung hoặc đe dọa thành viên tổ bay, hành khách trên tàu bay;

c) Người chỉ huy tàu bay cho người, đồ vật vào buồng lái tàu bay không đúng quy định;

d) Người chỉ huy tàu bay không khóa chốt cửa buồng lái tàu bay theo quy định trong thời gian tàu bay đang bay;

đ) Cho thuê, cho mượn, giả mạo thẻ kiểm soát an ninh để vào khu vực hạn chế;

e) Doanh nghiệp cảng hàng không không lưu trữ hồ sơ, nhật ký khai thác, bảo dưỡng các thiết bị an ninh hàng không theo quy định;

g) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm không báo cáo hoặc báo cáo không đúng quy định về vụ việc can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

h) Hành hung cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên hàng không đang thực hiện nhiệm vụ tại cảng hàng không, sân bay và các khu vực hạn chế khác;

i) Hành hung hành khách, thành viên tổ bay tại cảng hàng không, sân bay;

k) Hãng hàng không không thực hiện đúng quy định về vận chuyển vũ khí theo người trên chuyến bay.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Đưa các vật phẩm, chất nguy hiểm vào khu vực hạn chế, lên tàu bay trái quy định;

b) Doanh nghiệp cảng hàng không sử dụng thiết bị an ninh không đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định để kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh hàng không;

c) Hãng hàng không vận chuyển bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ vượt quá số lượng quy định;

d) Doanh nghiệp cảng hàng không không lưu hình ảnh hoặc lưu hình ảnh qua máy soi tia X, máy thu hình giám sát không đúng thời gian quy định.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Xâm nhập trái phép vào tàu bay;

b) Đưa công cụ hỗ trợ, vũ khí thô sơ vào khu vực hạn chế, lên tàu bay trái quy định;

c) Tung tin hoặc cung cấp thông tin sai về việc có bom, vật liệu nổ, chất nổ, chất phóng xạ, vũ khí sinh hóa học hoặc các loại thông tin khác có thể gây uy hiếp an toàn của tàu bay, người trên mặt đất, công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng và ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hàng không dân dụng;

d) Doanh nghiệp cảng hàng không, hãng hàng không, doanh nghiệp cung ứng suất ăn, doanh nghiệp cung ứng xăng dầu, đại lý điều tiết sử dụng niêm phong an ninh chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Doanh nghiệp cảng hàng không, hãng hàng không, người khai thác tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không không thực hiện đúng chương trình an ninh hàng không, quy chế an ninh hàng không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc phê duyệt.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Đưa chất nổ, vật liệu nổ, chất phóng xạ, vũ khí quân dụng, chất cháy vào khu vực hạn chế, lên tàu bay trái quy định;

b) Tung tin hoặc cung cấp thông tin sai về việc có bom, vật liệu nổ, chất nổ, chất phóng xạ, vũ khí sinh hóa học hoặc các loại thông tin khác có thể gây uy hiếp an toàn của tàu bay đang bay;

c) Doanh nghiệp cảng hàng không, hãng hàng không, người khai thác tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không không có chương trình an ninh hàng không, quy chế an ninh hàng không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc phê duyệt.

8. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề đến 3 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, điểm a khoản 5, điểm b, c khoản 6 và điểm a, b khoản 7 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b khoản 2, điểm đ, g khoản 3, điểm b, đ, h, i khoản 4, điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 và điểm a khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 7 Điều này;

b) Bị cấm vận chuyển thương mại bằng đường hàng không đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt, đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 6 và điểm b khoản 7 Điều này.

Chương III THẨM QUYỀN XỬ PHẠT

Điều 13. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 4 Nghị định này;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d và d khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 14. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp huyện có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

6. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan công an xử phạt đối với các vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Hành vi vi phạm hành chính được phát hiện trong quá trình triển khai thực hiện phương án khẩn nguy;

b) Các hành vi vi phạm vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng về an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại các khu vực công cộng ở cảng hàng không, sân bay hoặc do các cơ quan trong ngành hàng không dân dụng chuyên giao.

Điều 15. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra viên hàng không, Chánh Thanh tra hàng không, Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải

1. Thanh tra viên hàng không đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 4 Nghị định này, trừ biện pháp tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

2. Chánh Thanh tra Hàng không có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ chuyên môn, Giấy chứng nhận;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ chuyên môn, Giấy chứng nhận;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 16. Thẩm quyền xử phạt của Giám đốc Cảng vụ hàng không

1. Phạt cảnh cáo;

2. Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

3. Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ chuyên môn, Giấy chứng nhận;

4. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 17. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý của mình. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể.

2. Trong trường hợp hành vi vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thì việc xử phạt do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

3. Việc xác định thẩm quyền xử phạt đối với hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong từng trường hợp cụ thể thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Pháp lệnh và Điều 15 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 18. Ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Chánh Thanh tra hàng không, Giám đốc Cảng vụ hàng không và người đứng đầu lực lượng công an các cấp quy định tại Điều 14 Nghị định này có thể ủy quyền cho cấp phó của mình xử phạt vi phạm hành chính.

2. Việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điều 41 của Pháp lệnh và Điều 16 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Chương IV THỦ TỤC XỬ PHẠT

Điều 19. Đình chỉ hành vi vi phạm hành chính

Khi phát hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, người có thẩm quyền xử phạt và người đang thi hành công vụ phải ra lệnh đình chỉ ngay hành vi vi phạm.

Điều 20. Thủ tục xử phạt đơn giản

1. Thủ tục xử phạt đơn giản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 200.000 đồng, trừ trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

2. Trong trường hợp xử phạt theo thủ tục đơn giản, người có thẩm quyền không lập biên bản mà quyết định xử phạt tại chỗ. Quyết định xử phạt phải thể hiện bằng văn bản theo mẫu Quyết định số 2 kèm theo Nghị định này.

Điều 21. Lập biên bản vi phạm hành chính

1. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền trên 200.000 đồng hoặc vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ thì người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải lập biên bản vi phạm hành chính theo mẫu Biên bản số 01 kèm theo Nghị định này.

2. Trong trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ thì việc lập biên bản vi phạm hành chính được tiến hành ngay sau khi xác định được đối tượng thực hiện hành vi vi phạm.

Chứng cứ thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải được thể hiện trong biên bản vi phạm hành chính.

Việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để truy tìm và phát hiện đối tượng vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng theo quy định tại Điều 55a Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Trường hợp người vi phạm hành chính cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không có mặt tại địa điểm xảy ra vi phạm thì biên bản được lập xong phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến.

Điều 22. Quyết định xử phạt

1. Thời hạn ra quyết định xử phạt là mười ngày, kể từ ngày lập biên bản về vi phạm hành chính; đối với vụ vi phạm hành chính có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt là ba mươi ngày. Trong trường hợp xét cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền phải báo cáo Thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá ba mươi ngày. Quá thời hạn nói trên, người có thẩm quyền xử phạt không được ra quyết định xử phạt; trong trường hợp không ra quyết định xử phạt thì vẫn có thể áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

2. Khi quyết định xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền chỉ ra một quyết định xử phạt trong đó quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm; nếu các hình thức xử phạt là phạt tiền thì cộng lại thành mức phạt chung.

3. Quyết định xử phạt phải ghi rõ nộp phạt một lần hoặc nhiều lần; nếu nộp phạt nhiều lần, phải ghi rõ số tiền nộp phạt, thời hạn nộp phạt mỗi lần. Việc nộp tiền xử phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.

4. Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định có quy định cụ thể ngày có hiệu lực. Quyết định có hiệu lực phải gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt và cơ quan thu tiền phạt trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định xử phạt.

Điều 23. Thủ tục phạt tiền

1. Trong trường hợp áp dụng hình thức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt có quyền tạm giữ Giấy phép lưu hành phương tiện, Giấy phép lái xe hoặc giấy tờ cần thiết khác có liên quan để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt. Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm không có những giấy tờ nói trên thì người có thẩm quyền xử phạt có thể tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm, nhưng không được tạm giữ phương tiện của người khác mà người vi phạm sử dụng trái phép hoặc phương tiện là tài sản hợp pháp của tổ chức mà người vi phạm được giao sử dụng, điều khiển.

2. Người có thẩm quyền xử phạt chỉ tạm giữ thẻ kiểm soát an ninh, Giấy phép nhân viên hàng không nếu cá nhân bị xử phạt không có những giấy tờ tùy thân khác.

3. Việc tạm giữ giấy tờ, tang vật, phương tiện phải lập biên bản theo mẫu biên bản kèm theo Nghị định này.

4. Người ra quyết định xử phạt phải trả lại giấy tờ, tang vật, phương tiện bị tạm giữ ngay khi cá nhân, tổ chức đó chấp hành xong quyết định xử phạt. Người ra quyết định xử phạt và cá nhân, tổ chức bị tạm giữ giấy tờ, tang vật, phương tiện phải ký nhận vào biên bản tạm giữ về việc trả, nhận giấy tờ, tang vật, phương tiện.

5. Thủ tục tạm giữ và xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để xác minh tình tiết làm căn cứ xử lý hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm thì áp dụng theo khoản 5 Điều 46 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

6. Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền phải nộp tiền phạt tại nơi theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.

Điều 24. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự

Trong trường hợp xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm hoặc đối với trường hợp đã ra quyết định xử phạt, nếu sau đó phát hiện hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải huỷ quyết định xử phạt và chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền theo quy định tại Điều 62 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 25. Chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt. Quá thời hạn trên mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân bị xử phạt từ 500.000 đồng trở lên có thể được hoãn chấp hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 65 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 26. Cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính mà không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quy định tại khoản 1 Điều 66 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 66, 66a của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng của mình và của cấp dưới.

4. Chánh Thanh tra Hàng không quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng của mình, của cấp dưới và của Giám đốc Cảng vụ hàng không.

5. Giám đốc Cảng vụ Hàng không quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng của mình, của cấp dưới.

Điều 27. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là một năm, kể từ ngày ra quyết định xử phạt. Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nói trên được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

Điều 28. Mẫu biên bản, quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính

Ban hành kèm theo Nghị định này Phụ lục về các mẫu biên bản và mẫu quyết định để sử dụng trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2010 và thay thế Nghị định số 91/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mật trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b).**N 290**

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục
CÁC MẪU BIÊN BẢN VÀ QUYẾT ĐỊNH
SỬ DỤNG TRONG XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG
(Ban hành kèm theo Nghị định số 60/2010/NĐ-CP
ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ)

1. Mẫu biên bản số 01: Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
2. Mẫu biên bản số 02: Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính
3. Mẫu biên bản số 03: Biên bản khám người theo thủ tục hành chính.
4. Mẫu biên bản số 04: Biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật.
5. Mẫu biên bản số 05: Biên bản khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện.
6. Mẫu biên bản số 06: Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính
7. Mẫu biên bản số 07: Biên bản tạm giữ giấy tờ, tang vật, phương tiện để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt
8. Mẫu quyết định số 01: Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính.
9. Mẫu quyết định số 02: Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.
10. Mẫu quyết định số 03: Quyết định khám người theo thủ tục hành chính.
11. Mẫu quyết định số 04: Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện.
12. Mẫu quyết định số 05: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng theo thủ tục đơn giản.
13. Mẫu quyết định số 06: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục thông thường.
14. Mẫu quyết định số 07: Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt.
15. Mẫu quyết định số 08: Quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính trong trường hợp không áp dụng xử phạt hành chính.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

Mẫu biên bản số 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A²..., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN
VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ³

Hôm nay, hồi.....giờngày....tháng.....năm.....tại.....;

Chúng tôi gồm⁴:

1. Chức vụ:;
2. Chức vụ:

Với sự chứng kiến của⁵:

- 1..... Nghề nghiệp:.....;
Địa chỉ thường trú:.....;
Giấy chứng minh nhân dân số: Ngày cấp:; Nơi cấp:.....;
2..... Nghề nghiệp:.....;
Địa chỉ thường trú:.....;
Giấy chứng minh nhân dân số: Ngày cấp:; Nơi cấp:.....;

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về⁶đối với:

Ông (bà)/tổ chức⁷:;
Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):;
Địa chỉ:;
Giấy chứng minh nhân dân/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....;
Cấp ngày tại

Đã có các hành vi vi phạm hành chính như sau⁸:.....

¹ Ghi tên cơ quan chủ quản và cơ quan của người lập biên bản theo đúng thể thức văn bản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh nơi lập biên bản.

³ Ghi lĩnh vực quản lý nhà nước theo Nghị định được áp dụng.

⁴ Họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁵ Họ và tên người làm chứng, nếu đại diện cho chính quyền phải ghi rõ tên cấp chính quyền.

⁶ Ghi lĩnh vực quản lý nhà nước theo Nghị định được áp dụng.

⁷ Nếu là tổ chức ghi rõ: tên tổ chức vi phạm; họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm; lĩnh vực hoạt động; địa chỉ trụ sở chính; quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh. Nếu là cá nhân ghi họ tên, nghề nghiệp, địa chỉ thường trú (người nước ngoài ghi địa chỉ tạm trú tại Việt Nam) và giấy chứng minh nhân dân.

⁸ Ghi cụ thể giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; mô tả hành vi vi phạm.

Các hành vi trên đã vi phạm vào điểm... khoản... Điều ... Nghị định số quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong⁹

Người bị thiệt hại/tổ chức bị thiệt hại¹⁰:

Ông (bà)/tổ chức:;

Địa chỉ:;

Giấy chứng minh nhân dân/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....;

Cấp ngày tại

Ý kiến trình bày của người vi phạm hành chính/đại diện tổ chức vi phạm hành chính:.....

Ý kiến trình bày của người làm chứng:.....

Ý kiến trình bày của người/đại diện tổ chức bị thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra (nếu có):.....

Người có thẩm quyền đã yêu cầu đình chỉ ngay hành vi vi phạm.

Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính được áp dụng gồm:

Chúng tôi tạm giữ những tang vật, phương tiện, vi phạm hành chính và giấy tờ sau để chuyển về:..... để cấp có thẩm quyền giải quyết.

STT	Tên tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng ¹¹	Ghi chú ¹²

Ngoài những tang vật, phương tiện, giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Yêu cầu vi phạm có mặt tại¹³ lúc....giờ....ngày.... tháng.... năm để giải quyết vụ vi phạm.

⁹ Ghi lĩnh vực quản lý nhà nước theo Nghị định được áp dụng.

¹⁰ Ghi như chủ thích số 7.

¹¹ Nếu là phương tiện ghi thêm số đăng ký.

¹² Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không; nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm và người chứng kiến đại diện cho gia đình, tổ chức hoặc đại diện chính quyền.... (nếu có).

¹³ Ghi rõ địa chỉ trụ sở nơi cá nhân, tổ chức vi phạm phải có mặt.

Biên bản được lập thành bản có nội dung và giá trị như nhau, và được giao cho người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm một bản, một bản gửi báo cáo người có thẩm quyền xử phạt và¹⁴

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)¹⁵:

Biên bản này gồmtrang, được những người có mặt cùng ký xác nhận vào từng trang./.

NGƯỜI VI PHẠM
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM)
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BỊ THIẾT HẠI
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BỊ THIẾT HẠI)
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH¹⁶
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lý do người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản¹⁷:

.....

Lý do người bị thiệt hại, đại diện tổ chức bị thiệt hại không ký biên bản:

.....

.....

¹⁴ Ghi cụ thể những người, tổ chức được giao biên bản.

¹⁵ Ghi cụ thể ý kiến khác nếu có, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

¹⁶ Người lập biên bản không có thẩm quyền xử phạt thì phải trình thủ trưởng của mình là người có thẩm quyền xử phạt ký, đóng dấu.

¹⁷ Người lập biên bản phải ghi rõ lý do những người này từ chối ký biên bản.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A² ..., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN

Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều Nghị định số /...../ND-CP ngày...../...../.....của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Căn cứ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số..... ngày..... tháng.....năm..... do³chức vụ ký;

Để có cơ sở xác minh thêm vụ việc vi phạm hành chính/hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính,

Hôm nay, hồi.....giờ...ngày.....tháng....năm..... tại.....,

Chúng tôi gồm⁴:

1. Chức vụ:
2. Chức vụ:

Người/ tổ chức vi phạm hành chính là:

Ông (bà)/tổ chức⁵:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....;

Cấp ngày tại

¹ Ghi tên cơ quan chủ quản và cơ quan của người lập biên bản theo đúng thể thức văn bản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh nơi lập biên bản.

³ Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

⁴ Họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁵ Ghi tên, địa chỉ, ... của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính; nếu tổ chức thì ghi thêm họ tên, chức vụ của người đại diện.

Với sự chứng kiến của ⁶:

1..... Nghề nghiệp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

Giấy chứng minh nhân dân số: Ngày cấp:; Nơi cấp:.....;

2..... Nghề nghiệp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

Giấy chứng minh nhân dân số: Ngày cấp:; Nơi cấp:.....;

Tiến hành lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, gồm:

STT	Tên tang vật, phương tiện bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện ⁷	Ghi chú ⁸

Ngoài những tang vật, phương tiện nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Biên bản được lập thành hai bản có nội dung và giá trị như nhau. Một bản được giao cho cá nhân, đại diện tổ chức vi phạm.

Biên bản này gồm trang, được cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm, người làm chứng, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁹:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH TẠM GIỮ*(Ký, ghi rõ họ tên)*

NGƯỜI VI PHẠM
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM)
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁶ Họ và tên người làm chứng, nếu đại diện cho chính quyền phải ghi rõ tên cấp chính quyền.

⁷ Nếu là phương tiện phải ghi số đăng ký.

⁸ Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm, có sự chứng kiến của đại diện gia đình, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền không, nếu không có phải ghi rõ có sự chứng kiến của Ông (bà)...

⁹ Ghi cụ thể ý kiến khác nếu có, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

Mẫu biên bản số 03
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A² ..., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN
Khám người theo thủ tục hành chính

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều Nghị định số /...../NĐ-CP ngày.../.../...của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Căn cứ Quyết định khám người theo thủ tục hành chính số..... ngày..... tháng năm..... do³ chức vụ..... ký hoặc căn cứ⁴;

Hôm nay, hồi.....giờ...ngày.....tháng.....năm.....tại.....,

Chúng tôi gồm⁵:

1. Chức vụ:
2. Chức vụ:

Với sự chứng kiến của⁶:

- 1..... Nghề nghiệp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Giấy chứng minh nhân dân số: Ngày cấp:; Nơi cấp:.....
- 2..... Nghề nghiệp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Giấy chứng minh nhân dân số: Ngày cấp:; Nơi cấp:.....

Tiến hành khám người và lập biên bản về việc khám người đối với Ông (bà)..... Năm sinh.....;

¹ Ghi tên cơ quan chủ quản và cơ quan của người lập biên bản theo đúng thể thức văn bản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh nơi lập biên bản.

³ Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định khám người theo thủ tục hành chính.

⁴ Ghi rõ thêm căn cứ để cho rằng nếu không tiến hành khám ngay thì đồ vật, tài liệu, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu hủy; Họ tên, chức vụ người quyết định việc khám người (nếu người ra quyết định khám không phải là người có thẩm quyền theo Điều 45 Pháp lệnh)

⁵ Họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁶ Họ và tên người làm chứng, nếu đại diện cho chính quyền phải ghi rõ tên cấp chính quyền.

Nghề nghiệp:;
 Địa chỉ:;
 Giấy chứng minh nhân dân số: Ngày cấp:; Cơ quan cấp:.....;

Sau khi khám người, chúng tôi thu giữ được những đồ vật, tài liệu, phương tiện vi phạm hành chính như sau:

STT	Tên đồ vật, tài liệu, phương tiện	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ	Ghi chú

Việc khám kết thúc vào hồi ngàygiờ.....thángnăm.....

Biên bản được lập thành ba bản có nội dung và giá trị như nhau. Người bị khám được giao một bản. Ngoài ra, biên bản này được gửi cho⁷ và một bản lưu hồ sơ.

Biên bản này gồm trang, được người vi phạm, người làm chứng, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:.....

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁸:.....

.....

NGƯỜI BỊ KHÁM
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI KHÁM
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁷ Ghi rõ thêm biên bản này được gửi để báo cáo cho Thủ trưởng (nếu người quyết định khám không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh).

⁸ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

Mẫu biên bản số 04
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A²..., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN
Khám phương tiện vận tải, đồ vật
theo thủ tục hành chính

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều Nghị định số /...../NĐ-CP ngày...../...../.....của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Hôm nay, hồi.....giờ...ngày.....tháng.....năm.....tại.....,

Chúng tôi gồm³:

1. Chức vụ:
2. Chức vụ:

Với sự chứng kiến của⁴:

- 1..... Nghề nghiệp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Giấy chứng minh nhân dân số: Ngày cấp:; Nơi cấp:.....
- 2..... Nghề nghiệp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Giấy chứng minh nhân dân số: Ngày cấp:; Nơi cấp:.....

Tiến hành khám phương tiện vận tải, đồ vật là:⁵

Vì có căn cứ cho rằng trong phương tiện vận tải, đồ vật này có cất giấu tang vật vi phạm hành chính.

¹ Ghi tên cơ quan chủ quản và cơ quan của người lập biên bản theo đúng thể thức văn bản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh nơi lập biên bản.

³ Họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁴ Họ và tên người làm chứng, nếu đại diện cho chính quyền phải ghi rõ tên cấp chính quyền.

⁵ Ghi rõ loại phương tiện vận tải, đồ vật, số biển kiểm soát (đối với phương tiện).

Chủ phương tiện vận tải, đồ vật (hoặc người điều khiển phương tiện vận tải)⁶:

1..... Nghề nghiệp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

Giấy chứng minh nhân dân số: Ngày cấp:; Cơ quan cấp:.....;

2..... Nghề nghiệp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

Giấy chứng minh nhân dân số: Ngày cấp:; Cơ quan cấp:.....;

Phạm vi khám.....

Những tang vật vi phạm hành chính bị phát hiện gồm:

STT	Tên tang vật, phương tiện bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng	Ghi chú

Việc khám phương tiện vận tải (đồ vật) theo thủ tục hành chính kết thúc hồi giờ ngày tháng năm

Biên bản được lập thành hai bản có nội dung và giá trị như nhau, chủ phương tiện vận tải, đồ vật/người điều khiển phương tiện vận tải được giao một bản.

Biên bản này gồm trang, được người vi phạm, người làm chứng, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁷:.....

.....

NGƯỜI QUYẾT ĐỊNH KHÁM

(Ký, ghi rõ họ tên)

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI,
ĐỒ VẬT HOẶC NGƯỜI ĐIỀU
KHIỂN PHƯƠNG TIỆN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI THAM GIA KHÁM

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁶ Ghi rõ họ tên chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải.

⁷ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ, tên.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

Mẫu biên bản số 05
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A²..., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN
Khám nơi cất giấu tang vật,
phương tiện vi phạm hành chính

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều Nghị định số .../.../ND-CP ngày.../.../... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Căn cứ Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số ngày..... tháng..... năm do³ chức vụ ký;

Hôm nay, hồi giờ ngày tháng năm tại,

Chúng tôi gồm⁴:

1. Chức vụ:
2. Chức vụ:

Với sự chứng kiến của⁵:

- 1..... Nghề nghiệp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Giấy chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp: ; Cơ quan cấp:.....
2. Nghề nghiệp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Giấy chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp: ; Cơ quan cấp:.....

Tiến hành khám:⁶

Là nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và lập biên bản về việc khám.

¹ Ghi tên cơ quan chủ quản và cơ quan của người lập biên bản theo đúng thể thức văn bản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh nơi lập biên bản như Hà Nội, Đà Nẵng,

³ Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

⁴ Họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁵ Họ và tên người làm chứng, nếu đại diện cho chính quyền phải ghi rõ tên cấp chính quyền.

⁶ Ghi rõ địa chỉ nơi bị khám.

Người chủ nơi bị khám là: ⁷

Ông (bà)/tổ chức ⁸:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc
ĐKKD.....;

Cấp ngày: tại

Sau khi khám chúng tôi thu giữ những tang vật, phương tiện vi phạm
hành chính, gồm:

STT	Tên tang vật, phương tiện bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng ⁹	Ghi chú ¹⁰

Ngoài những tang vật, phương tiện nêu trên, chúng tôi không tạm giữ
thêm thứ gì khác.

Việc khám kết thúc vào hồi giờ ngày tháng năm.....

Biên bản được lập thành hai bản có nội dung và giá trị như nhau, được
giao cho chủ nơi bị khám một bản.

Biên bản này gồm trang, được cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm,
người làm chứng, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên
bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác
như sau:.....

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)¹¹:

**CHỦ NƠI KHÁM HOẶC NGƯỜI
THÀNH NIÊN TRONG GIA ĐÌNH**
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH TẠM GIỮ
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN KHÁM
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN
ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁷ Nếu chủ nơi bị khám vắng mặt thì ghi rõ họ tên người thành niên trong gia đình họ.

⁸ Nếu là nơi bị khám là của tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức.

⁹ Nếu có phương tiện phải ghi rõ biển kiểm soát.

¹⁰ Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên
niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm có sự chứng kiến của đại diện gia đình,
đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền không, nếu không có phải ghi rõ có sự chứng
kiến của Ông (bà)...

¹¹ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý
kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

Mẫu biên bản số 06
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A² ..., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN

Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều Nghị định số .../.../ND-CP ngày.../.../... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Thực hiện Quyết định số...../.... ngày .../.../.... của³ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Hôm nay, hồi giờ ngày tháng..... năm tại,

Chúng tôi gồm⁴:

1. Chức vụ:
2. Chức vụ:

Người/ tổ chức bị tịch thu tang vật, phương tiện là:

Ông (bà)/tổ chức⁵:;
Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):;
Địa chỉ:;
Giấy chứng minh nhân dân/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....;
Cấp ngàytại

Với sự chứng kiến của⁶:

1..... Nghề nghiệp:.....;
Địa chỉ thường trú:.....;
Giấy chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp: , Nơi cấp:.....;

¹ Ghi tên cơ quan chủ quản và cơ quan của người lập biên bản theo đúng thể thức văn bản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh nơi lập biên bản như Hà Nội, Đà Nẵng,

³ Ghi số, ngày tháng, người ký quyết định xử phạt vi phạm hành chính làm cơ sở để tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

⁴ Họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁵ Ghi tên, địa chỉ, ... của cá nhân, tổ chức bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; nếu tổ chức thì ghi thêm họ tên, chức vụ của người đại diện

⁶ Họ và tên người chứng kiến, nếu đại diện cho chính quyền phải ghi rõ tên cấp chính quyền.

2..... Nghề nghiệp:.....;
 Địa chỉ thường trú:.....;
 Giấy chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp: ; Nơi cấp:.....;

Tiến hành lập biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, gồm:

STT	Tên tang vật, phương tiện bị tạm giữ ⁷	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện ⁸	Ghi chú ⁹

Ngoài những tang vật, phương tiện nêu trên, chúng tôi không tịch thu thêm thứ gì khác.

Biên bản được lập thành hai bản có nội dung và giá trị như nhau. Một bản được giao cho cá nhân, đại diện tổ chức vi phạm.

Biên bản này gồmtrang, được cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm, người làm chứng, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)¹⁰:

NGƯỜI BỊ TỊCH THU
 (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BỊ TỊCH THU)
 (Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH TỊCH THU
 (Ký, ghi rõ họ tên)

⁷ Ghi tên của phương tiện, tang vật và chỉ tịch thu các loại tang vật được ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

⁸ Nếu là phương tiện phải ghi số đăng ký.

⁹ Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm, có sự chứng kiến của đại diện gia đình, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền không, nếu không có phải ghi rõ có sự chứng kiến của Ông (bà)...

¹⁰ Ghi cụ thể ý kiến khác nếu có, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

Mẫu biên bản số 07
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A²..., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN
Tạm giữ giấy tờ, tang vật, phương tiện
để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều, Nghị định số/.../NĐ-CP ngày.../.../... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính,

Hôm nay, hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....,

Chúng tôi gồm³:

1. Chức vụ:

2. Chức vụ:

Người/ tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính là:

Ông (bà)/tổ chức⁴:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....;

Cấp ngàytại

¹ Ghi tên cơ quan chủ quản và cơ quan của người lập biên bản theo đúng thể thức văn bản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh nơi lập biên bản như Hà Nội, Đà Nẵng,

³ Họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁴ Ghi tên, địa chỉ, ... của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính; nếu tổ chức thì ghi thêm họ tên, chức vụ của người đại diện..

Lập biên bản tạm giữ giấy tờ, tang vật, phương tiện để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, gồm:

STT	Giấy tờ, tang vật, phương tiện bị tạm giữ	Số lượng	Tên, dấu hiệu nhận biết giấy tờ, tang vật, phương tiện ⁵

Ngoài những giấy tờ, tang vật, phương tiện nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Biên bản được lập thành hai bản có nội dung và giá trị như nhau. Một bản được giao cho cá nhân, đại diện tổ chức vi phạm.

Biên bản này gồmtrang, được cá nhân/đại diện tổ chức bị xử phạt vi phạm, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁶:

NGƯỜI VI PHẠM
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM)
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁵ Nếu là phương tiện phải ghi số đăng ký, tình trạng của tang vật.

⁶ Ghi cụ thể ý kiến khác nếu có, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Số: /QĐ-TGN

Mẫu quyết định số 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A²..., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Tạm giữ người theo thủ tục hành chính

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều Nghị định số .../.../ND-CP ngày.../.../... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Xét cần phải áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính để.....³.....;

Tôi, ⁴.....; Chức vụ:.....;

Đơn vị.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Tạm giữ Ông (bà)..... Năm sinh:.....;

Nghề nghiệp:

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số:.....; Cấp ngày..... tại.....;

Lý do:

- Đã có hành vi vi phạm hành chính: ⁵..... quy định tại điểm khoản Điều Nghị định số .../.../ND-CP ngày.../.../... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

¹ Ghi tên cơ quan chủ quản và cơ quan của người lập biên bản theo đúng thể thức văn bản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh nơi lập biên bản.

³ Ghi rõ lý do tạm giữ người, phương tiện vi phạm hành chính như để xác minh tình tiết làm căn cứ để quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hoặc căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu hủy.

⁴ Họ tên người ra Quyết định tạm giữ.

⁵ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

Thời hạn tạm giữ là: 12 giờ kể từ thời điểm bắt đầu giữ là hồi: giờ ngày..... tháng năm.....

Vì lý do ⁶:.....nên thời hạn tạm giữ được kéo dài là..... giờ

Theo yêu cầu của Ông (bà) ⁷, việc tạm giữ được thông báo cho gia đình, tổ chức, nơi làm việc hoặc học tập là: ⁸

Vì Ông (bà)..... là người chưa thành niên và tạm giữ vào ban đêm/thời hạn tạm giữ trên 6 giờ, việc tạm giữ được thông báo vào hồi.....giờ.....ngày..... tháng..... năm.....cho cha mẹ/người giám hộ là:.....Địa chỉ

Quyết định này được giao cho:

1. Ông (bà): để chấp hành;

2..... ;

3.....

Quyết định này gồmtrang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁶ Nếu thời hạn tạm giữ dài hơn 12 tiếng phải ghi rõ lý do việc kéo dài thời hạn tạm giữ.

⁷ Nếu người bị tạm giữ không có yêu cầu thì ghi không có yêu cầu.

⁸ Ghi rõ tên, địa chỉ người được thông báo.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Mẫu quyết định số 02
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TGTVPT

A²..., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày.../.../... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Xét³

Tôi, ⁴ ; Chức vụ:..... ;

Đơn vị..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Tạm giữ: Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của

Ông (bà)/tổ chức⁵:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):..... ;

Địa chỉ:..... ;

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD.....;

Cấp ngày..... cơ quan cấp:..... ;

¹ Ghi tên cơ quan chủ quản và cơ quan của người lập biên bản theo đúng thể thức văn bản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh nơi lập biên bản.

³ Ghi rõ lý do tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như để xác minh tình tiết làm căn cứ để quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm. Nếu người tạm giữ không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, thì phải ghi rõ thêm căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu hủy.

⁴ Họ tên người ra Quyết định tạm giữ.

⁵ Nếu là tổ chức ghi rõ: tên tổ chức vi phạm; họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm; lĩnh vực hoạt động; địa chỉ trụ sở chính; quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh. Nếu là cá nhân ghi họ tên, nghề nghiệp, địa chỉ thường trú (người nước ngoài ghi địa chỉ tạm trú tại Việt Nam) và giấy chứng minh nhân dân.

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính: ⁶

Quy định tại điểm.....khoản.....Điều..... Nghị định số...../.../NĐ-CP ngày...../...../..... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực⁷

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được lập biên bản (kèm theo Quyết định này).

Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức: để chấp hành;
- 2.....⁸;
- 3.....

Quyết định này gồm trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ý kiến Thủ trưởng của người ra Quyết định tạm giữ : ⁹

.....

⁶ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

⁷ Ghi rõ lĩnh vực quản lý nhà nước theo tên của Nghị định được áp dụng

⁸ Trường hợp người Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính thì Quyết định này phải được gửi để báo cáo cho Thủ trưởng của người ra Quyết định tạm giữ.

⁹ Thủ trưởng của người ra Quyết định tạm giữ (người tạm giữ không có thẩm quyền theo quy định tại Điều 45 Pháp lệnh) có ý kiến về việc tạm giữ, đồng ý hoặc không đồng ý.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Mẫu quyết định số 03
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-KN

A²..., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Khám người theo thủ tục hành chính

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều Nghị định số .../.../ND-CP ngày.../.../... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Xét³

Tôi, ⁴ ; Chức vụ:..... ;

Đơn vị..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Khám người Ông (bà).....; Năm sinh:..... ;

Nghề nghiệp:..... ;

Địa chỉ:..... ;

Giấy chứng minh nhân dân số:.....; Cấp ngày..... ; tại.....;

Quyết định khám người này đã được thông báo cho Ông (bà) ⁵

Việc khám người có người chứng kiến là Ông (bà) ⁶

Nghề nghiệp:..... ;

Địa chỉ:..... ;

Giấy chứng minh nhân dân số:.....; Cấp ngày..... ; tại.....;

Việc khám người được lập biên bản (kèm theo Quyết định này).

Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)để chấp hành;

2.....;

3.....

Quyết định này gồm trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH KHÁM

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Ghi tên cơ quan chủ quản và cơ quan của người lập biên bản theo đúng thể thức văn bản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh nơi lập biên bản.

³ Ghi rõ lý do khám người, phương tiện vi phạm hành chính như để xác minh tình tiết làm căn cứ để quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hoặc căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu hủy.

⁴ Họ tên người ra Quyết định khám người.

⁵ Họ tên người bị khám.

⁶ Họ và tên người chứng kiến.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Số: /QĐ-KNCGTV-PT

Mẫu quyết định số 04
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A²..., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều Nghị định số .../.../ND-CP ngày.../.../... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Xét³

Tôi, ⁴ ; Chức vụ:

Đơn vị.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Khám: ⁵

Chủ nơi bị khám là: Ông/bà)/ Đại diện tổ chức:⁶.....

Nghề nghiệp (Lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD.....

Cấp ngày..... tại

¹ Ghi tên cơ quan chủ quản và cơ quan của người lập biên bản theo đúng thể thức văn bản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh nơi lập biên bản.

³ Ghi rõ lý khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như để xác minh tình tiết làm căn cứ để quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hoặc căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tiêu tán, tiêu hủy.

⁴ Họ tên người ra Quyết định khám..

⁵ Ghi rõ địa điểm bị khám.

⁶ Nếu không có người chủ nơi bị khám thì ghi rõ người thành niên trong gia đình họ.

Lý do:;
 (Việc khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được lập biên bản (kèm theo Quyết định này).

Quyết định này được: ;
 1. Giao cho: Ông/bà/đại diện tổ chức: để chấp hành;
 2. Gửi⁷;

Quyết định này gồm trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ý kiến đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi tiến hành khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện là nơi ở:

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁷Ghi rõ nơi gửi quyết định

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Mẫu quyết định số 05
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-XPHC

A² ..., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
(theo thủ tục đơn giản)**

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều Nghị định số .../.../ND-CP ngày.../.../... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Căn cứ Điều Nghị định số .../.../ND-CP ngày.../.../... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực³

Xét hành vi vi phạm hành chính do thực hiện;

Tôi, ⁴ ; Chức vụ:..... ;

Đơn vị.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Ông (bà)/tổ chức⁵ :

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD.....;

Cấp ngày cơ quan cấp

¹ Ghi tên cơ quan chủ quản và cơ quan của người lập biên bản theo đúng thể thức văn bản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh nơi lập biên bản.

³ Ghi đầy đủ số ký hiệu, ngày tháng, lĩnh vực của Nghị định xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính trong trường hợp áp dụng theo khoản 3 Điều 1 của Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực HKDD.

⁴ Họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người ra Quyết định xử phạt.

⁵ Nếu là tổ chức ghi rõ: tên tổ chức vi phạm; họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm; lĩnh vực hoạt động; địa chỉ trụ sở chính; quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh. Nếu là cá nhân ghi họ tên, nghề nghiệp, địa chỉ thường trú (người nước ngoài ghi địa chỉ tạm trú tại Việt Nam) và giấy chứng minh nhân dân.

Hình thức xử phạt chính là:⁶

Lý do:

- Đã có hành vi vi phạm hành chính: ⁷

Quy định tại điểm.....khoản.....Điều.....Nghị định số...../...../ND-CP
ngàytháng năm.... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực ⁸

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức ⁹ để chấp hành;
2. ¹⁰

Quyết định này gồm trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁶ Ghi hình thức là cảnh cáo hoặc phạt tiền; nếu hành vi là phạt tiền thì ghi mức xử phạt của từng hành vi và tổng hợp thành hình phạt chung theo quy định

⁷ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

⁸ Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm.

⁹ Ghi rõ họ tên cá nhân hoặc tên tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính.

¹⁰ Ghi Kho bạc nhà nước, nếu áp dụng hình thức phạt tiền và những nơi nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Mẫu quyết định số 06
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-XP HC

A²..., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều Nghị định số .../.../ND-CP ngày.../.../... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Căn cứ Điều Nghị định số .../.../ND-CP ngày.../.../... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực³.....;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính do⁴ lập hồi giờ ngày tháng năm tại

Tôi, ⁵ ; Chức vụ:..... ;

Đơn vị.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Ông (bà)/tổ chức ⁶ :

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD.....

Cấp ngày cơ quan cấp

¹ Ghi tên cơ quan chủ quản và cơ quan của người lập biên bản theo đúng thể thức văn bản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh nơi lập biên bản.

³ Ghi đầy đủ số ký hiệu, ngày tháng, lĩnh vực của Nghị định xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính trong trường hợp áp dụng theo khoản 3 Điều 1 của Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực HKDD.

⁴ Ghi họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁵ Họ tên người ra Quyết định xử phạt.

⁶ Nếu là tổ chức ghi rõ: tên tổ chức vi phạm; họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm; lĩnh vực hoạt động; địa chỉ trụ sở chính; quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh. Nếu là cá nhân ghi họ tên, nghề nghiệp, địa chỉ thường trú (người nước ngoài ghi địa chỉ tạm trú tại Việt Nam) và giấy chứng minh nhân dân.

Với các hình thức sau:

1. Hình thức xử phạt chính⁷:

Cảnh cáo/phạt tiền với mức phạt là: đồng. (Viết bằng chữ:).

2. Hình thức phạt bổ sung (nếu có):

1. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề:.....
2. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính
gồm:

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):.....

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính: ⁸

Quy định tại điểm khoản Điều, Nghị định số/...../ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ⁹

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:¹⁰

Điều 2. Ông (bà)/tổ chứcphải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt¹¹

Quá thời hạn này, nếu Ông (bà)/tổ chứccố tình không chấp hành Quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành.

Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp vào tài khoản số: của Kho bạc Nhà nước.....¹² trong vòng mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt.

Ông (bà)/tổ chức có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm¹³.

Trong thời hạn ba ngày, Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức:để chấp hành;

2. Kho bạc..... để thu tiền phạt;

3.

Quyết định này gồm trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁷ Ghi cụ thể từng mức xử phạt sau đó tổng hợp thành số tiền xử phạt chung nếu đối tượng vi phạm bị xử phạt về nhiều hành vi vi phạm hành chính

⁸ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

⁹ Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm.

¹⁰ Ghi những tình tiết có liên quan được áp dụng để quyết định việc xử phạt vi phạm hành chính.

¹¹ Ghi rõ số lần, thời hạn và số tiền phải nộp phạt trong một lần nếu nộp phạt nhiều lần. Nếu nộp phạt một lần ghi trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính..

¹² Ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc nhà nước nơi nộp tiền xử phạt.

¹³ Ngày ký Quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền xử phạt quyết định.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Mẫu quyết định số 07
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-CC

A²..., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt
vi phạm hành chính về hàng không dân dụng

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều của Nghị định số ./.../NĐ-CP ngày/.../... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Để đảm bảo thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về.....
số ngày tháng năm của

Tôi, ³.....; Chức vụ:.....;

Đơn vị:.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số/QĐ-XPHC ngày tháng năm của về

Đối với:

Ông (bà)/tổ chức ⁴ :

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:.....;

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD.....;

Cấp ngày cơ quan cấp

*** Biện pháp cưỡng chế:**⁵.....

.....

¹ Ghi tên cơ quan chủ quản và cơ quan của người lập biên bản theo đúng thể thức văn bản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh nơi lập biên bản.

³ Họ tên người ra Quyết định cưỡng chế.

⁴ Nếu là tổ chức ghi rõ: tên tổ chức vi phạm; họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm; lĩnh vực hoạt động; địa chỉ trụ sở chính; quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh. Nếu là cá nhân ghi họ tên, nghề nghiệp, địa chỉ thường trú (người nước ngoài ghi địa chỉ tạm trú tại Việt Nam) và giấy chứng minh nhân dân.

⁵ Ghi cụ thể biện pháp cưỡng chế, số tiền cưỡng chế, hoặc các biện pháp khắc phục phải thực hiện.

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức: phải nghiêm chỉnh thực hiện Quyết định này và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm

Quyết định có trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Quyết định này được giao cho Ông (bà)/tổ chức để thực hiện.

Quyết định này được gửi cho:

1.⁶
2.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁶ Nếu biện pháp cưỡng chế là khấu trừ lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng thì Quyết định được gửi cho cơ quan, tổ chức nơi cá nhân làm việc hoặc ngân hàng để phối hợp thực hiện. Nếu biện pháp cưỡng chế là kê biên tài sản hoặc các biện pháp cưỡng chế khác để thực hiện tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh, buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, buộc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện, buộc tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại thì Quyết định được gửi cho Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện việc cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Mẫu quyết định số 08
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-KPHQ

A²..., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra
trong trường hợp không áp dụng xử phạt về³.....**

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và
Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành
chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều Nghị định số/.../ND-CP ngày.../.../... của Chính phủ
về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực⁴.....;

Vì.....⁵..... nên không áp dụng xử phạt vi phạm hành chính;

Để khắc phục triệt để hậu quả do vi phạm hành chính gây ra,

Tôi, ⁶..... ; Chức vụ:..... ;

Đơn vị.....;

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính
đối với⁷.....**

Ông (bà)/tổ chức⁸ :

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:.....;

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc
ĐKKD.....;

Cấp ngày cơ quan cấp

¹ Ghi tên cơ quan chủ quản và cơ quan của người lập biên bản theo đúng thể thức văn bản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh nơi lập biên bản.

³ Ghi lĩnh vực quản lý nhà nước.

⁴ Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh
vực quản lý nhà nước được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm

⁵ Ghi rõ lý do không xử phạt.

⁶ Họ tên người ra Quyết định khắc phục hậu quả.

⁷ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

⁸ Nếu là tổ chức ghi rõ: tên tổ chức vi phạm; họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm;
lĩnh vực hoạt động; địa chỉ trụ sở chính; quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh. Nếu là
cá nhân ghi họ tên, nghề nghiệp, địa chỉ thường trú (người nước ngoài ghi địa chỉ tạm trú tại Việt
Nam) và giấy chứng minh nhân dân.

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính: ⁹

Quy định tại điểm.....khoản.....Điều.....Nghị định số...../...../NĐ-CP
ngày tháng năm..... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành
chính trong lĩnh vực ¹⁰

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm: ¹¹

Lý do không xử phạt vi phạm hành chính:

Hậu quả cần khắc phục là:.....

Biện pháp để khắc phục hậu quả là:.....

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức..... phải nghiêm chỉnh chấp hành
Quyết định này trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định.
Quá thời hạn này, nếu Ông (bà)/tổ chức..... cố tình không chấp hành
thì bị cưỡng chế thi hành.

Ông (bà)/tổ chức..... có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết
định này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng.....năm..... ¹².

Quyết định này gồm... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Trong thời hạn ba ngày, Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức:..... để chấp hành;

2.;

3.....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁹ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

¹⁰ Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm.

¹¹ Ghi những tình tiết có liên quan được áp dụng để quyết định việc xử phạt vi phạm hành chính.

¹² Ngày ký Quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền quyết định.